

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-21



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE**  
Lô T2 - Khu công nghiệp Hòa Bình - TP. Kon Tum  
Tỉnh Kon Tum, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkne (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Phương Minh Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

#### **Tổng Giám đốc**

Ông Hồ Thanh Tiên	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Hồ Thanh Tiên  
Tổng Giám đốc  
Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2016





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

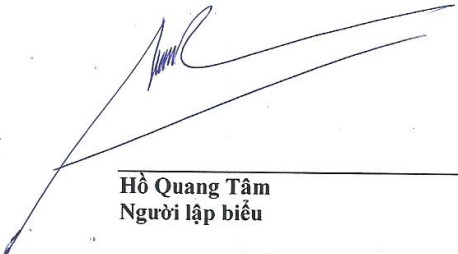
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.978.116.820</b>	<b>14.173.631.181</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>217.948.569</b>	<b>1.154.366.443</b>
1. Tiền	111		217.948.569	890.751.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	263.614.722
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.891.014.571</b>	<b>11.386.424.495</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.877.271.206	6.574.622.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	190.841.300	357.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	42.822.902.065	4.811.444.323
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.869.153.680</b>	<b>1.632.840.243</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.632.840.243
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.869.153.680	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>304.366.812.220</b>	<b>200.592.008.291</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>304.348.253.817</b>	<b>200.592.008.291</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	304.348.253.817	200.592.008.291
- Nguyên giá	222		366.283.608.357	246.882.657.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.935.354.540)	(46.290.648.923)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.558.403</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.558.403	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>367.344.929.040</b>	<b>214.765.639.472</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

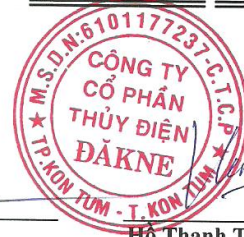
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		01/01/2015	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>269.344.324.815</b>		<b>188.810.277.829</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.465.406.181</b>		<b>42.327.359.195</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	3.560.452.052		9.233.619.025	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	16.725.926.266		15.011.366.825	
3. Phải trả người lao động	314		347.215.794		2.191.020.384	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	1.974.327.253		557.490.215	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.657.484.816		2.533.862.746	
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	13.200.000.000		12.800.000.000	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>230.878.918.634</b>		<b>146.482.918.634</b>	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	230.878.918.634		146.482.918.634	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>98.000.604.225</b>		<b>25.955.361.643</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>98.000.604.225</b>		<b>25.955.361.643</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.384.000.000		25.384.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.384.000.000		25.384.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.616.604.225		571.361.643	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		462.186.547		-	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.154.417.678		571.361.643	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>367.344.929.040</b>		<b>214.765.639.472</b>	

  
**Hồ Quang Tâm**  
 Người lập biểu

Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2016

  
**Đỗ Thị Bích Huyền**  
 Kế toán trưởng

  
**Hồ Thanh Tiến**  
 Tổng Giám đốc

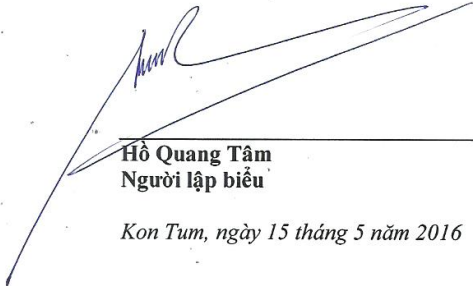


áp lý có

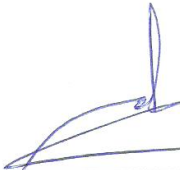
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

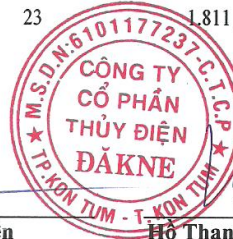
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 21/5/2014
			đến 31/12/2015	đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		61.545.022.894	29.965.289.463
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	10	16	61.545.022.894	29.965.289.463
3. Giá vốn hàng bán	11	17	20.012.878.301	17.319.640.952
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		41.532.144.593	12.645.648.511
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		70.774.244	6.193.436
6. Chi phí tài chính	22	19	21.562.722.087	11.976.028.511
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.562.722.087	11.976.028.511
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.541.993.108	32.291.940
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		18.498.203.642	643.521.496
9. Chi phí khác	32	21	276.702.362	7.807.703
10. Lợi nhuận khác (40 = - 32)	40		(276.702.362)	(7.807.703)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.221.501.280	635.713.793
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	4.067.083.602	64.352.150
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		14.154.417.678	571.361.643
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.811	309

  
 Hồ Quang Tâm  
 Người lập biểu

Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2016

  
 Đỗ Thị Bích Huyền  
 Kế toán trưởng

  
 Hồ Thanh Tiên  
 Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	MẪU SỐ B 03-DN	
	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01 18.221.501.280	635.713.793
2. Điều chỉnh cho các khoản	37.278.201.948	19.176.787.988
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02 15.644.705.617	7.200.759.477
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 70.774.244	-
- Chi phí lãi vay	06 21.562.722.087	11.976.028.511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08 55.499.703.228	19.812.501.781
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09 (51.373.743.756)	(11.386.424.495)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11 (11.403.138.139)	9.907.444.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12 1.614.281.840	(1.632.840.243)
- Tiền lãi vay đã trả	14 (21.562.722.087)	(9.644.108.186)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 (828.172.875)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20 (28.162.966.885)	7.056.573.331
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21 (115.498.676.745)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 (70.774.244)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30 (115.569.450.989)	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31 58.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33 257.000.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34 (172.204.000.000)	(5.902.206.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40 142.796.000.000	(5.902.206.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50 (936.417.874)	1.154.366.443
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 1.154.366.443	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70 217.948.569	1.154.366.443

Hồ Quang Tâm  
 Người lập biểu

Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2016

Đỗ Thị Bích Huyền  
 Kế toán trưởng

Hồ Thanh Tiên  
 Tổng Giám đốc





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkne là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6101177237 ngày 21 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 28/01/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần vào ngày 28 tháng 01 năm 2015 là 83.384.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2015 là 38 người (tại ngày 31/12/2014 là 18 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	203.849.849	26.425.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.098.720	864.326.287
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	-	263.614.722
<b>Cộng</b>	<b><u>217.948.569</u></b>	<b><u>1.154.366.443</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	14.877.271.206	6.574.622.672
<b>Cộng</b>	<b><u>14.877.271.206</u></b>	<b><u>6.574.622.672</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Tự động hóa Toàn Cầu	165.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	25.341.300	357.500
<b>Cộng</b>	<b><u>190.841.300</u></b>	<b><u>357.500</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	42.404.800.726	4.811.444.323
Tạm ứng	42.404.800.726	4.811.444.323
b) Phải thu khác các bên liên quan	418.101.339	-
Công ty Cổ phần Tấn Phát	418.101.339	-
Cộng	<u>42.822.902.065</u>	<u>4.811.444.323</u>

Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó bao gồm khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Tường với giá trị là 31.277.037.984 đồng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	246.882.657.214	-	-	-	246.882.657.214
- Mua trong năm	-	98.700.000	642.625.382	50.200.000	791.525.382
- Đầu tư XDCB hoàn thành	118.609.425.761	-	-	-	118.609.425.761
Tại ngày 31/12/2015	<u>365.492.082.975</u>	<u>98.700.000</u>	<u>642.625.382</u>	<u>50.200.000</u>	<u>366.283.608.357</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	46.290.648.923	-	-	-	46.290.648.923
- Khấu hao trong năm	15.549.784.962	25.470.971	62.477.464	6.972.220	15.644.705.617
Tại ngày 31/12/2015	<u>61.840.433.885</u>	<u>25.470.971</u>	<u>62.477.464</u>	<u>6.972.220</u>	<u>61.935.354.540</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	<u>200.592.008.291</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>200.592.008.291</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>303.651.649.090</u>	<u>73.229.029</u>	<u>580.147.918</u>	<u>43.227.780</u>	<u>304.348.253.817</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp Nhà máy thủy điện Đăk Ne để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tân An	2.448.076.119	2.448.076.119	2.648.076.119	2.648.076.119
Công ty TNHH MTV Thăng Lợi Kon Tum	-	-	1.354.784.060	1.354.784.060
Công ty TNHH Trung Việt	-	-	4.925.621.335	4.925.621.335
Phải trả cho các đối tượng khác	1.112.375.933	1.112.375.933	305.137.511	305.137.511
Cộng	<u>3.560.452.052</u>	<u>3.560.452.052</u>	<u>9.233.619.025</u>	<u>9.233.619.025</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.766.092.777	1.766.092.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.091.286.880	4.067.083.602	828.172.875	852.376.153
Thuế thu nhập cá nhân	2.032.716	2.032.716	138.089.798	138.089.798
Thuế tài nguyên	795.651.243	4.550.203.610	7.581.739.655	3.827.187.288
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.452.000	1.452.000
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.836.955.427	5.171.165.927	1.760.379.309	8.426.168.809
<b>Cộng</b>	<b>16.725.926.266</b>	<b>13.796.485.855</b>	<b>12.081.926.414</b>	<b>15.011.366.825</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.974.327.253	557.490.215
<b>Cộng</b>	<b>1.974.327.253</b>	<b>557.490.215</b>

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>786.389.041</b>	<b>630.876.268</b>
Bảo hiểm xã hội	563.040.302	506.098.862
Bảo hiểm y tế	78.202.482	51.033.282
Bảo hiểm thất nghiệp	34.764.604	23.676.124
Phải trả Công ty TNHH Trung Việt	104.020.950	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.360.703	50.068.000
<b>b) Phải trả khác là bên liên quan</b>	<b>1.871.095.775</b>	<b>1.902.986.478</b>
Phải trả Công ty CP Tấn Phát	1.871.095.775	1.877.852.478
Phải trả ông Nguyễn Ngọc Tường	-	25.134.000
<b>Cộng</b>	<b>2.657.484.816</b>	<b>2.533.862.746</b>

NH H  
 MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE**  
 Lô T2 - Khu công nghiệp Hòa Bình - TP. Kon Tum  
 Tỉnh Kon Tum, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong kỳ		31/12/2015	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>						
Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	12.800.000.000	12.800.000.000	13.200.000.000	12.800.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân Hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	-	-	13.200.000.000	-	-	13.200.000.000
<i>b) Vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	146.482.918.634	146.482.918.634	257.000.000.000	172.604.000.000	230.878.918.634	230.878.918.634
Ngân Hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	-	-	257.000.000.000	26.121.081.366	230.878.918.634	230.878.918.634
<b>Cộng</b>	<b>159.282.918.634</b>	<b>159.282.918.634</b>	<b>270.200.000.000</b>	<b>185.404.000.000</b>	<b>244.078.918.634</b>	<b>244.078.918.634</b>

(i) Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay dài hạn này được chuyển từ Công ty Cổ phần Tấn Phát sang theo hợp đồng chuyển giao và kế thừa nghĩa vụ nợ vay với Ngân hàng An Bình - CN Đà Nẵng ngày 30/07/2014 được ký giữa 3 bên là Công ty CP Tấn Phát - Công ty CP Thủy Điện Đăk Ne và Ngân hàng TMCP An Bình. Theo đó mục đích khoản vay của khoản vay được chuyển là để đầu tư và tái sửa chữa nhà máy thủy điện Đăk Ne. Số nợ vay này đã được chuyển thanh toán hoàn toàn trong tháng 1/2015 từ nguồn vay Ngân hàng TMCP Việt Á.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty ký hợp đồng tín dụng trung - dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.200.000.000	12.800.000.000
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	99.600.000.000	66.400.000.000
Sau năm năm	131.278.918.634	80.082.918.634
	<u>244.078.918.634</u>	<u>159.282.918.634</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	13.200.000.000	12.800.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>230.878.918.634</u></b>	<b><u>146.482.918.634</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 21/05/2014	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	25.384.000.000	-	25.384.000.000
Lãi trong kỳ này	-	571.361.643	571.361.643
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b><u>25.384.000.000</u></b>	<b><u>571.361.643</u></b>	<b><u>25.955.361.643</u></b>
Tăng vốn trong kỳ	58.000.000.000	-	58.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	14.154.417.678	14.154.417.678
Trích lập quỹ (i)	-	(109.175.096)	(109.175.096)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b><u>83.384.000.000</u></b>	<b><u>14.616.604.225</u></b>	<b><u>98.000.604.225</u></b>

- (i) Trong năm 2015, Công ty thực hiện trích lập quỹ phúc lợi khen thưởng với số tiền là 109.175.096 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 28 tháng 01 năm 2015, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 83.384.000.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>			<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Nguyễn Huy Cường	4.169.200	41.692.000.000	50,00%	41.692.000.000	-
Nguyễn Ngọc Tường	4.168.365	41.683.650.000	49,99%	41.683.650.000	23.642.700.000
Huỳnh Bích	-	-	0,00%	-	300.600.000
Lý Văn Tài	-	-	0,00%	-	1.365.480.000
Nguyễn Đình Lục	-	-	0,00%	-	16.700.000
Nguyễn Minh Khoa	-	-	0,00%	-	33.400.000
Nguyễn Văn Hùng	-	-	0,00%	-	16.700.000
Hồ Ngọc Sung	835	8.350.000	0,01%	8.350.000	8.350.000
	<b><u>8.338.400</u></b>	<b><u>83.384.000.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>83.384.000.000</u></b>	<b><u>25.383.930.000</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ (tiếp theo)**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2015 như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.338.400	2.538.393
- Cổ phiếu phổ thông	8.338.400	2.538.393
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.338.400	2.538.393
- Cổ phiếu phổ thông	8.338.400	2.538.393
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. DOANH THU**

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Toàn bộ giá vốn của Công ty là từ hoạt động sản xuất và bán điện của nhà máy thủy điện Đăkne.

**18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.179.006	15.250.000
Chi phí nhân công	2.484.698.724	821.425.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.644.705.617	7.200.759.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.275.703	7.902.040.759
Chi phí khác bằng tiền	997.172.116	2.741.133.768
<b>Cộng</b>	<b><u>19.922.031.166</u></b>	<b><u>18.680.609.960</u></b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 21/5/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.562.722.087	11.976.028.511
<b>Cộng</b>	<b><u>21.562.722.087</u></b>	<b><u>11.976.028.511</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	1.030.849.272	- 11.219.760
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.459.641	2.727.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.449.684	-
Thuế, phí và lệ phí	202.316.455	6.598.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.034.264	-
Các khoản chi phí QLDN khác	216.883.792	11.746.128
<b>Cộng</b>	<b>1.541.993.108</b>	<b>32.291.940</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt	265.242.362	-
Các khoản khác	11.460.000	7.807.703
<b>Cộng</b>	<b>276.702.362</b>	<b>7.807.703</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.221.501.280	635.713.793
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	265.242.362	7.807.703
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	265.242.362	7.807.703
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.486.743.642</b>	<b>643.521.496</b>
Thuế suất hoạt động kinh doanh chính	22%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.067.083.602</b>	<b>64.352.150</b>

Giai đoạn hoạt động từ ngày 21/5/2014 đến ngày 31/12/2014, Công ty được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và còn được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động kinh doanh chính. Từ năm 2015, Công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế suất và có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.154.417.678	571.361.643
Điều chỉnh: trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	109.175.096
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.154.417.678	462.186.547
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.816.475	1.495.222
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.811</b>	<b>309</b>
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	244.078.918.634	159.282.918.634
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	217.948.569	1.154.366.443
Nợ thuần	243.860.970.065	158.128.552.191
Vốn chủ sở hữu	98.000.604.225	25.955.361.643
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>249%</b>	<b>609%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.948.569	1.154.366.443
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.700.173.271	11.386.066.995
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.918.121.840</b>	<b>12.540.433.438</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	244.078.918.634	159.282.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	5.437.908.530	11.186.673.503
Chi phí phải trả	1.974.327.253	557.490.215
<b>Tổng cộng</b>	<b>251.491.154.417</b>	<b>171.027.082.352</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 sẽ giảm 2.440.789.186 đồng (kỳ kế toán từ ngày 21/05/2014 (ngày thanh lập) đến ngày 31/12/2014 là 1.592.829.186 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+100	(2.440.789.186)
VND	-100	2.440.789.186
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+100	(1.592.829.186)
VND	-100	1.592.829.186

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.948.569	-	217.948.569
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>57.700.173.271</u>	-	<u>57.700.173.271</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>57.918.121.840</u></b>	<b>-</b>	<b><u>57.918.121.840</u></b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	13.200.000.000	230.878.918.634	244.078.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	5.437.908.530	-	5.437.908.530
Chi phí phải trả	1.974.327.253	-	1.974.327.253
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>20.612.235.783</u></b>	<b><u>230.878.918.634</u></b>	<b><u>251.491.154.417</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>37.305.886.057</u></b>	<b><u>(230.878.918.634)</u></b>	<b><u>(193.573.032.577)</u></b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.154.366.443	-	1.154.366.443
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>11.386.066.995</u>	-	<u>11.386.066.995</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.540.433.438</u></b>	<b>-</b>	<b><u>12.540.433.438</u></b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	12.800.000.000	146.482.918.634	159.282.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	11.186.673.503	-	11.186.673.503
Chi phí phải trả	557.490.215	-	557.490.215
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>24.544.163.718</u></b>	<b><u>146.482.918.634</u></b>	<b><u>171.027.082.352</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>(12.003.730.280)</u></b>	<b><u>(146.482.918.634)</u></b>	<b><u>(158.486.648.914)</u></b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và từ tiền thu hồi các khoản công nợ phải thu để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tấn Phát  
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty

Cùng chung chủ sở hữu  
Quản lý chủ chốt

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	108.525.708.888	-
<b>Thanh toán công nợ</b>		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	150.953.279.778	-
<b>Mượn tiền</b>		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	-	118.686.091
<b>Trả tiền</b>		
Ông Nguyễn-Ngọc Tường	25.134.000	93.552.091
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	43.849.730.106	6.640.915.912
Ông Nguyễn Huy Cường	6.000.000.000	-
Ông Hồ Thanh Tiến	5.061.309.475	-
<b>Hoàn tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	17.261.480.575	-
Ông Hồ Thanh Tiến	47.654.000	-
<b>Nhận bàn giao tài sản từ</b>		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	246.822.657.214

*Ngoài các số dư với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 08, 13 và 15, tại ngày kết thúc niên độ kế toán còn các số dư trọng yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	31.277.037.984	4.688.788.453
Ông Nguyễn Huy Cường	6.000.000.000	-
Ông Hồ Thanh Tiến	5.014.655.475	1.000.000

***Thu nhập và các khoản vay của Tổng Giám đốc***

Thu nhập của Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 21/5/2014 đến 31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng thu nhập	382.429.487	574.531.694
	<u>382.429.487</u>	<u>574.531.694</u>



